

TÒA ÁN NHÂN DÂN

KHU VỰC 3 – HÀ NỘI

Bản án số: **12/2026/KDTM-ST**

Ngày: **04/02/2026**

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lại**

Các Hội thẩm nhân dân : - Ông **Hoàng Mạnh Hùng**

- Bà **Bùi Thị Bích Vân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Hồng Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Huyền** – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2025/TLST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 853/2025/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2026/KDTMST-QĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc *“Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”* giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1 (V2)**

Địa chỉ: Tòa nhà V, số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Tuấn A** – Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Khách hàng doanh nghiệp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn T** – Cán bộ Xử lý nợ (Có mặt).

*** Bị đơn: Công ty TNHH T1**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108544904 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/12/2018.

Địa chỉ trụ sở: Số E TT6B Khu đô thị T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Anh V** – Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Nguyễn Anh V**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

CMND số 182250808 do Công an tỉnh N cấp ngày 12/12/2012.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K C, phường T, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở (Theo đăng ký kinh doanh): Số E TT6B Khu đô thị T, phường H, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V1 (V2) trình bày:**

a. Thông tin khoản vay:

Công ty TNHH T1 vay vốn tại V2 – Chi nhánh T2 theo Hợp đồng cho vay số 181119-5942471-01-SME ngày 19/11/2019 và Hợp đồng cho vay số 051219-5427458-01-SME ngày 06/12/2019. Công ty T1 vay vốn tại V2 – Chi nhánh Sở G theo Hợp đồng cho vay số 181120-5427458-01-SME ngày 19/11/2020 và các Khế ước nhận nợ kèm theo cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số 181119-5942471-01-SME ngày 19/11/2019; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 181119-5942471-01-SME/TC ngày 19/11/2019 với mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán tiền mua 01 xe ô tô HONDA CITY 1.5V-CVT màu xanh đậm mới 100% theo Hợp đồng bán hàng số TTN004/056-11.1901 ngày 13/11/2019 giữa Công ty CP Đ và bên vay; Lãi suất cho vay trong hạn được quy định trong Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Khế ước nhận nợ số 240619-5942471-01-SME ngày 19/11/2019 với số tiền nhận nợ là 419.000.000 đồng; Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9.3%/ năm. Trong khoảng thời gian 6 tháng kể từ ngày giải ngân của Khế ước nhận nợ này: Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngoại trừ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 20/02/2020, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/04/2020. Mức lãi

suất điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm thường tại quầy kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ của bên Ngân hàng đối với mức tiền gửi tiết kiệm thấp nhất, tại thời điểm điều chỉnh +4%/ năm. Mức lãi suất điều chỉnh tối đa là 9.3%/ năm; Hết thời hạn áp dụng nêu trên, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hằng năm, ngoại trừ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên sau khi hết thời hạn áp dụng. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên sau khi hết thời hạn áp dụng là ngày 20/5/2020, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/7/2020. Mức lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm thường tại quầy kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ của bên Ngân hàng đối với mức tiền gửi tiết kiệm thấp nhất, tại thời điểm điều chỉnh +4%/ năm.

- Hợp đồng cho vay số 051219-5427458-01-SME ngày 06/12/2019; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 051219-5427458-01-SME/TC ngày 06/12/2019 với mục đích sử dụng tiền vay để mua xe ô tô Mitsubishi Xpander GLP mới 100% theo Hợp đồng kinh tế số 1945/2019HĐKT-TTT ký ngày 02/12/2019 giữa CTCP Ô tô T3 với Công ty TNHH T1; Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Khế ước nhận nợ số 061219-5427458-01-SME ngày 06/12/2019 với số tiền nhận nợ là 465.000.000 đồng; Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 11,2%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/ 1 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 06/01/2020. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là trên 3 đến 5 năm và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 2,9%/năm.

- Hợp đồng cho vay số 181120-5427458-01-SME ngày 19/11/2020; Hợp đồng thế chấp ô tô số 181120-5427458-01-SME/HDTC ngày 19/11/2020 với mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán một phần tiền mua xe M Oulander 2.0 mới 100% theo Hợp đồng kinh tế số 44138/HĐKT/2020M ngày 30/10/2020; Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm

trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Khế ước nhận nợ số: 191120-5427458-01-SME ngày 19/11/2020 với số tiền nhận nợ là 600.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày 19/11/2020 đến ngày 19/11/2025; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,3 %/năm. Cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 12 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 19/11/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.8 %/năm.

b. Biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay:

- 01 chiếc xe ô tô, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại OUTLANDER, BKS: 30G-647.33, số khung: RLA1TGF2ML1001220, số máy: CS42204B11, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do phòng cảnh sát giao thông thành phố H cấp ngày 18/11/2020 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn, theo Hợp đồng thế chấp số 181120-5427458-01-SME/HDTC ngày 19/11/2020.

- 01 chiếc ô tô con 07 chỗ ngồi mang nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại XPANDER, BKS: 30G-105.63, số khung: MK2XRNC1WKN058029, số máy: 4A91HH1401, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng C công an thành phố H cấp ngày 05/12/2019 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn, theo Hợp đồng thế chấp số 051219-5427458-01-SME/TC ngày 06/12/2019.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu HONDA CITY, BKS: 30G-047.98, số khung: RLHGM6663KY900025, số máy: 115Z12350033, giấy chứng nhận đăng ký xe do phòng CSGT Công an thành phố H cấp ngày 18/11/2019 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn, theo Hợp đồng thế chấp số 181119-5942471-01-SME/TC ngày 19/11/2019.

Biện pháp bảo đảm khác:

Theo Hợp đồng bảo lãnh số 061219/HĐBL/VPBANK-01 ngày 06/12/2019, ông Nguyễn Anh V đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty T1 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 181119-5942471-01-SME ngày 19/11/2019; Hợp đồng cho vay số 051219-5427458-01-SME ngày 06/12/2019; Hợp đồng cho vay số 181120-5427458-01-SME ngày

19/11/2020 giữa Công ty T1 và V2 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

c. Quá trình thực hiện:

Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V2 kể từ ngày 17/07/2025 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 04/02/2026, Công ty T1 còn nợ V2 số tiền:

- Nợ gốc: 364,094,971 đồng
- Nợ lãi phải trả: 161,576,495 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 20,217,139 đồng

Tổng cộng: 545,888,605 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm linh năm đồng).

d. Yêu cầu của nguyên đơn:

1. Yêu cầu Công ty T1 phải thanh toán cho V2 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa 2 bên. Tạm tính đến hết ngày 04/02/2026, số tiền cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 364,094,971 đồng
- Nợ lãi phải trả: 161,576,495 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 20,217,139 đồng

Tổng cộng: 545,888,605 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm linh năm đồng).

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, vác văn bản tố tụng kèm theo cho đến ngày Công ty T1 thực tế thanh toán hết nợ cho V2.

3. Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án nội dung: V2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho V2 nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V2, cụ thể như sau:

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI; Số loại: OUTLANDER; BKS: 30G-647.33; Số khung: RLA1TGF2ML1001220; Số máy: CS42204B11 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 18/11/2020 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 181120-5427458-01-SME/HDTC ngày 19/11/2020.

- 01 chiếc xe ô tô con 07 chỗ ngồi mang nhãn hiệu MITSUBISHI; Số loại: XPANDER; BKS: 30G-105.63; Số khung: MK2XRNC1WKN058029; Số máy: 4^a91HH1401 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Giao

thông – Công an Thành phố H cấp ngày 05/12/2019 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 051219-5427458-01-SME/TC ngày 06/12/2019.

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA CITY; BKS: 30G-047.98; Số khung: RLHGM6663KY900025; Số máy: 115Z12350033 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 18/11/2019 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 181119-5942471-01-SME/TC ngày 19/11/2019.

4. Nếu tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho V2 thì V2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty T1 để thu hồi khoản nợ cho đến khi Công ty T1 thanh toán hết khoản nợ cho V2.

5. V2 đề nghị Tòa án tuyên trong bản án về việc V2 có quyền yêu cầu người bảo lãnh: Ông Nguyễn Anh V có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty T1 tại V2. Đề nghị xác minh các tài sản của ông Nguyễn Anh V để Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi nợ cho V2.

*** Đối với bị đơn là Công ty TNHH T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh V):**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Công ty TNHH T1 có đăng ký trụ sở tại địa chỉ 5 TT6B Khu đô thị T, phường H, Thành phố Hà Nội. Cán bộ Tòa án đã xuống địa chỉ trụ sở Công ty để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không gặp được ai, không có ai nhận văn bản tố tụng. Qua làm việc với đồng chí Cảnh sát khu vực phụ trách địa chỉ nêu trên cho biết: Công ty TNHH T4 không treo biển công ty và không hoạt động tại địa chỉ trên. Hiện nay, không có ai sinh sống hay làm việc tại địa chỉ 5 TT6B Khu đô thị T, phường H, Thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho Công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án (Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xem xét thẩm định tại chỗ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa) cho bị đơn là Công ty TNHH T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh V)

tại trụ sở Công ty theo đăng ký kinh doanh (5 TT6B Khu đô thị T, phường H, Thành phố Hà Nội) nhưng Công ty TNHH T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh V) không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đúng theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp của các Hợp đồng vay bao gồm:

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI; Số loại: OUTLANDER; BKS: 30G-647.33; Số khung: RLA1TGF2ML1001220; Số máy: CS42204B11 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 18/11/2020 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 181120-5427458-01-SME/HDTTC ngày 19/11/2020.

+ 01 chiếc xe ô tô con 07 chỗ ngồi mang nhãn hiệu MITSUBISHI; Số loại: XPANDER; BKS: 30G-105.63; Số khung: MK2XRNC1WKN058029; Số máy: 4A91HH1401 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 05/12/2019 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 051219-5427458-01-SME/TC ngày 06/12/2019.

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA CITY; BKS: 30G-047.98; Số khung: RLHGM6663KY900025; Số máy: 115Z12350033 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 18/11/2019 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 181119-5942471-01-SME/TC ngày 19/11/2019.

Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T1 là ông Nguyễn Anh V không đến Tòa làm việc cũng không đưa xe đến địa điểm được thông báo trong Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ để Tòa án xem xét, thẩm định theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp được.

*** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh V:**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH T1, ông Nguyễn Anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại K C, phường T, tỉnh Nghệ An và sinh sống tại địa chỉ 5 TT6B Khu đô thị T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh về địa chỉ nơi ở của ông Nguyễn Anh V tại 5 TT6B Khu đô thị T, phường H, Thành phố Hà Nội. Qua làm việc, đồng chí Cảnh sát khu vực – Công an phường H phụ trách địa chỉ trên cung cấp: Ông Nguyễn Anh V không sinh sống, ăn ở tại địa chỉ trên, hiện nay, không có ai sinh sống ở đó.

Tòa án tiến hành xác minh về nơi đăng ký hộ khẩu của ông Nguyễn Anh V tại Công an phường T, tỉnh Nghệ An cung cấp: Ông Nguyễn Anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ khối B C, phường T, tỉnh Nghệ An nhưng hiện nay không ăn ở, sinh sống tại đó.

Do đó, Tòa án không tổng đạt trực tiếp được văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Anh V. Để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án (Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xem xét thẩm định tại chỗ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa) cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh V tại địa chỉ nơi đăng ký thường trú của ông V (K C, phường T, tỉnh Nghệ An), UBND phường T và trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

Tuy nhiên ông Nguyễn Anh V vẫn không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu độc lập. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định của pháp luật

*** *Tại phiên tòa hôm nay:***

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc:

+ Yêu cầu Công ty TNHH T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) khoản tiền lãi chậm trả tính đến hết ngày 04/02/2026 với số tiền cụ thể là 20.217.139 đồng.

+ Yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH T1 để thu hồi khoản nợ trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V2).

- Công ty TNHH T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh V) vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh V vắng mặt tại phiên tòa.

*** Đại diện VKSND khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:**

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tuân thủ, chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là Công ty TNHH T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh V) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tố tụng tại Tòa án là không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 (V2) đối với Công ty TNHH T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh V).

- Buộc Công ty TNHH T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh V) phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) toàn bộ dư nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 04/02/2026 là **525,671,466 đồng** (Trong đó: Gốc phải trả là 364,094,971 đồng; Lãi phải trả là 161,576,495 đồng).

- Ngân hàng TMCP V1 (V2) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V2), cụ thể như sau:

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI; Số loại: OUTLANDER; BKS: 30G-647.33; Số khung: RLA1TGF2ML1001220; Số máy: CS42204B11 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 18/11/2020 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 181120-5427458-01-SME/HDTC ngày 19/11/2020.

+ 01 chiếc xe ô tô con 07 chỗ ngồi mang nhãn hiệu MITSUBISHI; Số loại: XPANDER; BKS: 30G-105.63; Số khung: MK2XRNC1WKN058029; Số máy: 4*91HH1401 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 05/12/2019 thuộc quyền sở hữu và sử

dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 051219-5427458-01-SME/TC ngày 06/12/2019.

+ 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA CITY; BKS: 30G-047.98; Số khung: RLHGM6663KY900025; Số máy: 115Z12350033 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 18/11/2019 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 181119-5942471-01-SME/TC ngày 19/11/2019.

- Trường hợp Công ty TNHH T1 không thanh toán, thanh toán không đầy đủ hoặc việc xử lý tài sản bảo đảm của Công ty TNHH T1 không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Nguyễn Anh V có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty. Ngân hàng TMCP V1 (V2) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi và xử lý tài sản của ông Nguyễn Anh V để thu hồi nợ cho V2.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) khoản tiền lãi chậm trả tạm tính đến hết ngày 04/02/2026 với số tiền cụ thể là 20.217139 đồng và yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH T1 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

- Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Ngân hàng TMCP V1 (V2) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T1 có trụ sở tại địa chỉ 5 TT6B Khu đô thị T, phường H, Thành phố Hà Nội thanh toán toàn bộ khoản tiền theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại phường H, Thành phố Hà Nội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

1.2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã đến địa chỉ trụ sở Công ty TNHH T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông

Nguyễn Anh V) và địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Nguyễn Anh V để tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn là Công ty TNHH T1 hiện nay không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở theo đăng ký kinh doanh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh V có đăng ký thường trú tại khối B C, phường T, tỉnh Nghệ An và có nơi ở theo đăng ký kinh doanh tại địa chỉ trụ sở Công ty. Tuy nhiên, qua xác minh, ông Nguyễn Anh V không sinh sống tại cả hai địa chỉ trên. Do đó, Tòa án không tổng đạt trực tiếp được văn bản tố tụng cho Công ty TNHH T1 và ông Nguyễn Anh V. Để đảm bảo cho việc tổng đạt được hợp lệ, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty TNHH T1 và ông Nguyễn Anh V vẫn không đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng Công ty TNHH T1 và ông Nguyễn Anh V vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH T1 và ông Nguyễn Anh V là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Hợp đồng cho vay số 181119-5942471-01-SME ngày 19/11/2019; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 181119-5942471-01-SME/TC ngày 19/11/2019 và Khế ước nhận nợ số 240619-5942471-01-SME ngày 19/11/2019 giữa Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty TNHH T1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, lãi suất quá hạn, phương thức trả nợ phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật. Dựa trên Hợp đồng và Khế ước nhận nợ đã ký kết, Ngân hàng TMCP V1 (V2) đã giải ngân cho Công ty TNHH T1 số tiền là **419.000.000 đồng** (*Bốn trăm mười chín triệu đồng*).

Hợp đồng cho vay số 051219-5427458-01-SME ngày 06/12/2019; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 051219-5427458-01-SME/TC ngày 06/12/2019 và Khế ước nhận nợ số 061219-5427458-01-SME ngày 06/12/2019 giữa Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty TNHH T1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, lãi suất quá hạn, phương thức trả nợ phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn có

hiệu lực pháp luật. Dựa trên Hợp đồng và Khế ước nhận nợ đã ký kết, Ngân hàng TMCP V1 (V2) đã giải ngân cho Công ty TNHH T1 số tiền là **465.000.000 đồng** (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

Hợp đồng cho vay số 181120-5427458-01-SME ngày 19/11/2020; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 181120-5427458-01-SME/HDTC ngày 19/11/2020 và Khế ước nhận nợ số: 191120-5427458-01-SME ngày 19/11/2020 giữa Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty TNHH T1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, lãi suất quá hạn, phương thức trả nợ phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật. Dựa trên Hợp đồng và Khế ước nhận nợ đã ký kết, Ngân hàng TMCP V1 (V2) đã giải ngân cho Công ty TNHH T1 số tiền là **600.000.000 đồng** (*Sáu trăm triệu đồng*).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V1 (V2) kể từ ngày 17/07/2025 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng đã ký. Tính đến hết ngày 04/02/2026, Công ty TNHH T1 còn nợ Ngân hàng TMCP V1 (V2): Nợ gốc: 364,094,971 đồng; Nợ lãi phải trả: 161,576,495 đồng; Nợ lãi chậm trả: 20,217,139 đồng. **Tổng cộng: 545,888,605 đồng** (*Năm trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm linh năm đồng*).

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty TNHH T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) khoản tiền lãi chậm trả tính đến hết ngày 04/02/2026 là 20.217.139 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

Do đó, Ngân hàng TMCP V1 (V2) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T1 phải thanh toán khoản tiền nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở để chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH T1 phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V2):

Căn cứ vào các Hợp đồng và Khế ước nhận nợ kèm theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy sự thỏa thuận về tiền lãi của các bên trong Hợp đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

2.3. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ:

Các tài sản thế chấp bao gồm:

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI; Số loại: OUTLANDER; BKS: 30G-647.33; Số khung: RLA1TGF2ML1001220; Số máy: CS42204B11 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 18/11/2020 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 181120-5427458-01-SME/HDTC ngày 19/11/2020.

- 01 chiếc xe ô tô con 07 chỗ ngồi mang nhãn hiệu MITSUBISHI; Số loại: XPANDER; BKS: 30G-105.63; Số khung: MK2XRNC1WKN058029; Số máy: 4^a91HH1401 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 05/12/2019 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 051219-5427458-01-SME/TC ngày 06/12/2019.

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA CITY; BKS: 30G-047.98; Số khung: RLHGM6663KY900025; Số máy: 115Z12350033 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 18/11/2019 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 181119-5942471-01-SME/TC ngày 19/11/2019.

Xét thấy các Hợp đồng thế chấp ô tô giữa nguyên đơn và bị đơn được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không lừa dối; nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật; trình tự, thủ tục thế chấp đúng quy định tại các Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322 và Điều 323 Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên phát sinh hiệu lực. Vì vậy, nếu Công ty TNHH T1 không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP V1 (V2) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý các tài sản thế chấp.

2.4. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH T1 để thu hồi khoản nợ trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH T1 để thu hồi khoản nợ trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

2.5. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bảo lãnh: Ông Nguyễn Anh V có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH T1 tại Ngân hàng TMCP V1 (V2) và yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi và xử lý các tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Anh V để thu hồi khoản nợ cho V2.

Xét thấy Hợp đồng bảo lãnh số 061219/HĐBL/VPBANK – 01 ngày 06/12/2019 được ký kết giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V1 (V2) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Anh V trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có hiệu lực pháp luật.

Tại Điều 1 của Hợp đồng bảo lãnh, bên bảo lãnh (Ông Nguyễn Anh V) đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty TNHH T1 – Theo khoản 3 Điều 1 Hợp đồng bảo lãnh số 061219/HĐBL/VPBANK – 01 ký ngày 06/12/2019) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng P từ các văn kiện tín dụng được ký kết giữa bên được bảo lãnh (Công ty TNHH T1) với Ngân hàng, cụ thể là tất cả các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các Hợp đồng cho vay số 181119-5942471-01-SME ngày 19/11/2019; Hợp đồng cho vay số 051219-5427458-01-SME ngày 06/12/2019; Hợp đồng cho vay số 181120-5427458-01-SME ngày 19/11/2020.

Căn cứ vào nghĩa vụ của bên bảo lãnh, quyền của bên ngân hàng trong Hợp đồng bảo lãnh, Ngân hàng TMCP V1 (V2) yêu cầu ông Nguyễn Anh V có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH T1 tại Ngân hàng TMCP V1 (V2) và yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi và

xử lý các tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Anh V để thu hồi khoản nợ cho V2 trong trường hợp Công ty T1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho V2 là có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền mà yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 (V2) được chấp nhận.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117; Điều 119; Điều 280; Điều 292; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323; Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 386; Điều 398; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90; Điều 91; Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 8; Điều 22 và Điều 49 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Yêu cầu Công ty TNHH T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) khoản tiền lãi chậm trả tính đến hết ngày 04/02/2026 với số tiền cụ thể là 20.217.139 đồng.

- Yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH T1 để thu hồi khoản nợ trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V2).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 (V2) đối với bị đơn là Công ty TNHH T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh V) cụ thể như sau:

Buộc Công ty TNHH T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh V) phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 04/02/2026 là **525,671,466 (Năm trăm hai mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng)** (Trong đó: Nợ gốc là 364,094,971 đồng; Nợ lãi là 161,576,495 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngay sau ngày xét xử, Công ty TNHH T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh V) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết.

Trường hợp Công ty TNHH T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh V) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) thì Ngân hàng TMCP V1 (V2) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V2), cụ thể như sau:

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI; Số loại: OUTLANDER; BKS: 30G-647.33; Số khung: RLA1TGF2ML1001220; Số máy: CS42204B11 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 18/11/2020 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 181120-5427458-01-SME/HDTC ngày 19/11/2020.

- 01 chiếc xe ô tô con 07 chỗ ngồi mang nhãn hiệu MITSUBISHI; Số loại: XPANDER; BKS: 30G-105.63; Số khung: MK2XRNC1WKN058029; Số máy: 4*91HH1401 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 05/12/2019 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 051219-5427458-01-SME/TC ngày 06/12/2019.

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HONDA CITY; BKS: 30G-047.98; Số khung: RLHGM6663KY900025; Số máy: 115Z12350033 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an Thành phố H cấp ngày 18/11/2019 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty TNHH T1 và toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe trong suốt thời gian vay vốn theo Hợp đồng thế chấp số 181119-5942471-01-SME/TC ngày 19/11/2019.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) thì Công ty TNHH T1

(Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh V) vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V1 (V2).

Trường hợp Công ty TNHH T1 không thanh toán, thanh toán không đầy đủ hoặc việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) thì ông Nguyễn Anh V có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH T1 đối với Ngân hàng TMCP V1 (V2).

Trường hợp ông Nguyễn Anh V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ của Công ty TNHH T1 thì Ngân hàng TMCP V1 (V2) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, xử lý tài sản của ông Nguyễn Anh V để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V2).

3. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH T1 (Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Anh V) phải chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 25.026.859 đồng (*Hai mươi lăm triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm năm chín đồng*).

- Ngân hàng TMCP V1 (V2) được trả lại số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009238 ngày 25/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại

